

## PHÁT TRIỂN CÁC API VỚI DJANGO REST FRAMEWORK

**Xây dựng các API theo các yêu cầu sau:**

1. Lấy danh sách danh mục

- Url: **/categories/**
- Method: GET
- Response status: 200
- Response data:

```
[{
    "id": integer,
    "name": string
}]
```

2. Lấy danh sách tất cả khoá học, mỗi trang hiển thị tốt đa 20 khoá học.

- Url: **/courses/?page=?&category\_id=&q=**
- Method: GET
- Response status: 200
- Response data:

```
{
    "count": integer,
    "next": string,
    "previous": string,
    "results": [{
        "id": integer,
        "subject": string,
        "image": string,
        "created_date": string,
        "category_id": integer
    }]
}
```

3. Lấy danh sách các bài học của một khoá học.

- Url: **/courses/{course\_id}/lessons/?q=**
- Method: GET

- Response status: 200
- Response data:

```
[{
  "id": integer,
  "subject": string,
  "image": string,
  "course_id": integer,
  "created_date": string,
  "updated_date": string,
  "tags": [{
    "id": integer,
    "name": string
  }]
}]
```

4. Xem chi tiết một bài học bao gồm thông tin bài học và các tag gán cho bài học.

- Url: **/lessons/{lesson\_id}**
- Method: GET
- Response status: 200
- Response data:

```
{
  "id": integer,
  "subject": string,
  "image": string,
  "course_id": integer,
  "created_date": string,
  "updated_date": string,
  "tags": [
    {
      "id": integer,
      "name": string
    }
  ],
  "content": string
}
```

5. Lấy danh sách các comment của một bài học

- Url: **/lessons/{lesson\_id}/comments/**
- Method: GET
- Response status: 200
- Response data:

```
[{
  "id": integer,
```

```
"content": string,  
"created_date": string,  
"updated_date": string,  
"user": {  
  "id": integer,  
  "first_name": string,  
  "last_name": string,  
  "username": string  
}  
}]
```

### 6. Đăng ký người dùng.

- Url: **/users/**
- Method: POST
- Body data:

```
{  
  "first_name": string  
  "last_name": string  
  "username": string  
  "password": string  
  "email": string  
}
```

- Response status: 201 – Created
- Response data: None

```
{  
  "first_name": string  
  "last_name": string  
  "username": string  
  "email": string,  
  "joined_date": string,  
}
```

### 7. Xem thông tin chi tiết user

- Url: **/user**
- Method: GET
- Request headers

```
{  
  "Authorization": "Bearer <access-token>"  
}
```

- Response status: 200 – OK

- Response data

```
{
  "avatar": string
  "first_name": string
  "last_name": string
  "username": string
  "password": string
  "email": string,
}
```

### 8. Cập nhật thông tin user

- Url: **/user**
- Method: PUT
- Request headers

```
{
  "Authorization": "Bearer <access-token>"
}
```

- Response status: 200 – OK
- Response data

```
{
  "avatar": string
  "first_name": string
  "last_name": string
  "username": string
  "password": string
  "email": string,
}
```

- Response status: 200
- Response data:

```
{
  "avatar": string
  "first_name": string
  "last_name": string
  "username": string
  "password": string
  "email": string,
}
```

### 9. Thêm một tags mới vào bài học, nếu tag có rồi thì không thêm.

- Url: **/lessons/{lesson\_id}/tags/**
- Method: POST

- Body data:

```
{
  "tags": array
}
```

- Response State: 201 – Created
- Response data

```
{
  "id": integer,
  "subject": string,
  "image": string,
  "course_id": integer,
  "created_date": string,
  "updated_date": string,
  "tags": [
    {
      "id": integer,
      "name": string
    }
  ],
  "content": string
}
```

### 10. Thêm một bình luận mới vào bài học.

- Url: **/lessons/{lesson\_id}/comments/**
- Method: POST
- Request headers

```
{
  "Authorization": "Bearer <access-token>"
}
```

- Body data:

```
{
  "content": string
}
```

- Response State: 201 – Created
- Response data

```
{
  "id": integer
  "content": string
}
```

### 11. API xóa comment và người dùng chỉ được xóa comment của mình đã thêm, chỉ người tạo comment mới được xóa comment của mình.

- Url: **/comments/{comment\_id}/**
- Method: DELETE
- Request headers

```
{  
  "Authorization": "Bearer <access-token>"  
}
```

- Response status: 204 – No Content
- Response data: None

12. API cập nhật comment và người dùng chỉ cập nhật comment của mình đã thêm.

- Url: **/comments/{comment\_id}**
- Method: PUT
- Request headers

```
{  
  "Authorization": "Bearer <access-token>"  
}
```

- Body data

```
{  
  "content": string  
}
```

- Response status: 200 – OK
- Response Data:

```
{  
  "id": integer  
  "content": string  
}
```

13. Người dùng bấm nút like trên bài học hoặc trên bình luận trong bài học, nếu bấm trên trạng thái đã like sẽ trở thành unlike.

- Url: **/lessons/{lesson\_id}/like/**
- Method: POST
- Request headers

```
{  
  "Authorization": "Bearer <access-token>"  
}
```

- Body data: None
- Response status: 200 – OK
- Response data: None

### 14. API cho phép người dùng thêm/cập nhật rating cho bài học

- Url: **/lessons/{lesson\_id}/rating/**
- Method: POST cho thêm, PUT cho cập nhật
- Request headers

```
{  
  "Authorization": "Bearer <access-token>"  
}
```

- Body data: None

```
{  
  "rating": integer  
}
```

- Response status: 200 – OK
- Response data: None

```
{  
  "rating": integer  
}
```

### 15. API cập nhật số lượt xem (views) trên bài học.

- Url: **/lessons/{lesson\_id}/view/**
- Method: POST
- ~~Request headers~~

```
+  
"Authorization": "Bearer <access-token>"  
+
```

- Body data: None
- Response status: 200 – OK
- Response data:

```
{  
  "views": integer  
}
```